

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: 103 Bùi Thị Xuân - Phường Phường Đức

Thành phố Huế- Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234-381555 Fax: 0234-3826580

Website: hewaco.com.vn Email: info@hewaco.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

**“VÌ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: 103 Bùi Thị Xuân - Phường Phường Đức

Thành phố Huế- Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234-381555 Fax: 0234-3826580

Website: hewaco.com.vn Email: info@hewaco.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2022

Số: 528/BC-HWS

**“VÌ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”**

MỤC LỤC

A. THÔNG TIN CHUNG.....	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển:	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	5
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	7
5. Định hướng phát triển	10
6. Các rủi ro.....	10
B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	13
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	13
2. Tổ chức và nhân sự.....	13
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	29
4. Tình hình tài chính.....	29
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	31
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	32
C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	34
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	34
2. Tình hình tài chính.....	34
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	35
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	35
D. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	37
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty	37
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	37
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT	38
E. QUẢN TRỊ CÔNG TY	41
1. Hội đồng quản trị	41
2. Báo cáo của Ban Kiểm soát	44
3. Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS và BGD.....	46
4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	46
F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	47
1. Ý kiến của Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính	47
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	47

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỪA THIÊN HUẾ**
(Tên viết tắt: HueWACO; Tên Tiếng Anh: Thua Thien Hue Water Supply Joint Stock Company)

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3300101491.

- Vốn điều lệ: 876.000.000.000 đồng.

- Địa chỉ: 103 Bùi Thị Xuân - Phường Đức - TP Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Số điện thoại: 0234.3815555.

- Số fax: 0234.3826580

- Email : info@huewaco.com.vn

- Website: www.huewaco.com.vn

- Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế được niêm yết trên sàn UPCOM vào ngày 27/07/2018.

- Mã cổ phiếu: HWS (UPCOM)

- Khối lượng CP đang niêm yết: 87.600.000 cổ phiếu.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Năm 1909, Nhà máy nước Huế được thành lập, sau này là Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế. Với công suất thiết kế đạt 2.500m³/ngđ; và tổng chiều dài đường ống mạng phân phối từ D50 - D400 khoảng 15km.

- Cuối năm 1925 đầu năm 1926, Nhà máy nước được nâng cấp và mở rộng, lắp đặt thêm 20km ống gang từ D50 đến D300, nâng tổng số chiều dài đường ống phân phối lên 54km và nâng công suất cấp nước lên 3.700 m³/ng.đ.

- Giai đoạn 1946 – 1975 là thời kỳ Nhà máy nước không phát triển nhiều, thậm chí có lúc sản xuất bị đình trệ do hậu quả của chiến tranh. Năm 1956 nhà máy nước Dã Viên được xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng cung cấp nước cho thành phố, công suất thiết kế 9.600 m³/ngày đêm.

- Sau năm 1975, đã khôi phục, cải tạo nhà máy nước Vạn Niên, trạm bơm Dã Viên và khu xử lý nước Quảng Tế, thi công 58 km đường ống cấp nước, đưa nước sạch cung cấp cho nhà máy sợi Thủy Dương, nhà máy Đông lạnh Sông Hương... nâng tổng công

suất khai thác từ 9.600 m³/ng. đ (năm 1976) lên 30.000 m³/ng. đ (năm 1990).

- Từ 1993 – 2003, được sự tài trợ và vay vốn của Chính phủ Pháp và vốn đối ứng trong nước, Công ty đã mở rộng hệ thống cấp nước Huế, xây dựng một nhà máy xử lý nước mới 27.500m³/ng. đ (giai đoạn I tại Quảng Tế II), trạm bơm Vạn Niên II có công suất 120.000m³/ng. đ, lắp đặt thêm 170 km đường ống gang dẻo của Pháp. Cải tạo và nâng cấp nhà máy Dã Viên 12.000 m³/ngày đêm, nhà máy Quảng Tế 1 từ 20.000 lên 30.000 m³/ng.đ.

- Năm 2004, Công ty đã thực hiện thành công dự án nâng cấp nhà máy Tứ Hạ từ 4.000 lên 12.000m³/ngày đêm.

- Tháng 12/2005, Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế chuyển đổi thành Công ty TNHH NNMTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.

- Tháng 6/2005 Công ty đưa dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Hòa Bình Chương (giai đoạn 1) vào hoạt động cấp nước cho 3 Xã Phong Hòa, Phong Bình và Phong Chương.

- Năm 2009, kỷ niệm 100 năm thành lập, Công ty hoàn thành dự án nâng công suất NMN Quảng Tế 2 từ 27.500m³/ngày đêm lên 82.500m³/ngày đêm. Đồng thời, đón nhận Huân chương độc lập hạng Nhì, công bố cấp nước an toàn trên toàn tỉnh, được Tổ chức Y tế thế giới công nhận là đơn vị đầu tiên công bố cấp nước an toàn tại Việt Nam.

- Năm 2012, Công ty xây dựng và đưa vào vận hành NMN Lộc An, Lộc Trì với công nghệ tiên tiến, hiện đại cấp nước cho Thị trấn Phú Lộc và 5 xã phụ cận.

- Năm 2014, kỷ niệm 105 năm thành lập, 5 năm công bố cấp nước an toàn, 10 năm thành lập Xí nghiệp NUĐC Bạch Mã, công bố ISO 14001 và ký hiệp định vay phụ 35,16 triệu USD với ADB và Bộ Tài chính, đồng thời khánh thành nhà máy nước Phong Thu là nhà máy an toàn và ngon đầu tiên của Công ty.

- Ngày 19/12/2016, tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế. Ngày 01/1/2017, chính thức hoạt động theo mô hình công ty Cổ phần.

- Ngày 21/12/2017, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 232/2017/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 87.600.000 cổ phiếu.

- Năm 2018, Công ty chính thức đưa 87,6 triệu cổ phiếu của HueWACO vào giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là HWS.

- Năm 2019, kỷ niệm 110 năm thành lập, khánh thành Dự án cấp nước TT.Huế 2011-2015, có tính đến 2020 thuộc Chương trình phát triển ngành nước Việt Nam vay vốn ADB đưa vào sử dụng 722 km đường ống từ DN50-DN1200; mở rộng cấp nước cho 31 phường xã, trong đó có 8 xã mới, tăng áp lực nước trên toàn mạng từ lên 2.0-2.5 kg/cm², giúp cho trên 260.000 đầu nôi gần 1 triệu dân (82% toàn tỉnh) được hưởng lợi.

- Năm 2020-2021, triển khai thực hiện dự án Nhà máy XLNS Vạn Niên công suất 120.000 m³/ngđ (giai đoạn 1: 60.000 m³/ngđ) và Dự án NM XLNS Thượng Long công suất 2.000m³/ngày đêm, cấp nước cho 5 xã vùng trên huyện Nam Đông.

- Ngày 24/12/2021: tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021, thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT ông Trương Công Nam nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/12/2021 và bầu bổ sung thành viên HĐQT đối với ông Lê Quang Minh, đồng thời HĐQT đã bầu ông Lê Quang Minh giữ chức Chủ tịch HĐQT và cử làm người đại diện theo pháp luật của HueWACO theo quy định tại Điều lệ.

- Năm 2022: tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2022, triển khai định hướng giai đoạn phát triển 2022- 2026; Ngày 30/8/2022, Công ty tổ chức khánh thành NM XLNS Thượng Long công suất 2.000m³/ngày đêm tại xã Thượng Long, huyện Nam Đông.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước. <i>Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch.</i>	3600 (chính)
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. <i>Chi tiết:</i> - Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai; - Sản xuất nước uống Ion kiềm; - Sản xuất nước uống Linh Chi.	1104
3	Bán buôn đồ uống. <i>Chi tiết:</i> - Kinh doanh nước uống tinh khiết đóng chai; - Kinh doanh nước uống Ion kiềm; - Kinh doanh nước uống Linh Chi.	4633
4	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Sản xuất máy móc, vật tư thiết bị ngành nước.</i>	2599
5	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác. <i>Chi tiết:</i>	4659

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
	- Kinh doanh sản phẩm gia công cơ khí, máy móc, vật tư thiết bị ngành nước; - Thực hiện liên kết kinh doanh, làm nhà phân phối, đại diện, đại lý các sản phẩm vật tư, thiết bị, công nghệ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	
6	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Lập dự án đầu tư các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn.</i>	7490
7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. <i>Chi tiết:</i> - Thiết kế các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn. - Tư vấn các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật. - Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật. - Tư vấn chuyển giao kỹ thuật giảm thiểu nước không doanh thu. - Tư vấn chuyển giao công nghệ xử lý nước. - Tư vấn chuyển giao các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực cấp nước.	7110
8	Hoạt động tư vấn quản lý. <i>Chi tiết:</i> - Tư vấn các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn. - Tư vấn, chuyển giao cấp nước an toàn.	7020
9	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. <i>Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng.</i>	2392
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. <i>Chi tiết: kinh doanh vật liệu xây dựng.</i>	4663
11	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. <i>Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị phương tiện phục vụ thi công các công trình cấp thoát nước.</i>	7730
12	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. <i>Chi tiết: xây dựng công nghệ thông tin trong lĩnh vực cấp thoát nước.</i>	6209
13	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Chế tạo công nghệ xử lý nước.</i>	3290
14	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. <i>Chi tiết:</i> - Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy của đồng hồ đo nước lạnh. - Dịch vụ xét nghiệm chất lượng nước.	7120
15	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh <i>Chi tiết:</i>	0118

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
	- Trồng rau các loại - Trồng đậu các loại - Trồng hoa cây cảnh	
16	Trồng cây ăn quả Chi tiết: - Trồng cây ăn quả khác - Trồng cam, quýt và các loại có múi khác	0121
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: - Xây dựng các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn. - Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.	4299
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước.	8299
19	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cho thuê lại các lao động có tay nghề có chuyên môn kỹ thuật cao về lĩnh vực cấp nước của Công ty	7830

3.2. Địa bàn kinh doanh:

Công ty hiện đang quản lý chủ yếu hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất, kinh doanh khu vực toàn tỉnh TT.Huế.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị và sơ đồ bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước Thừa Thiên Huế. Theo đó, cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty gồm:

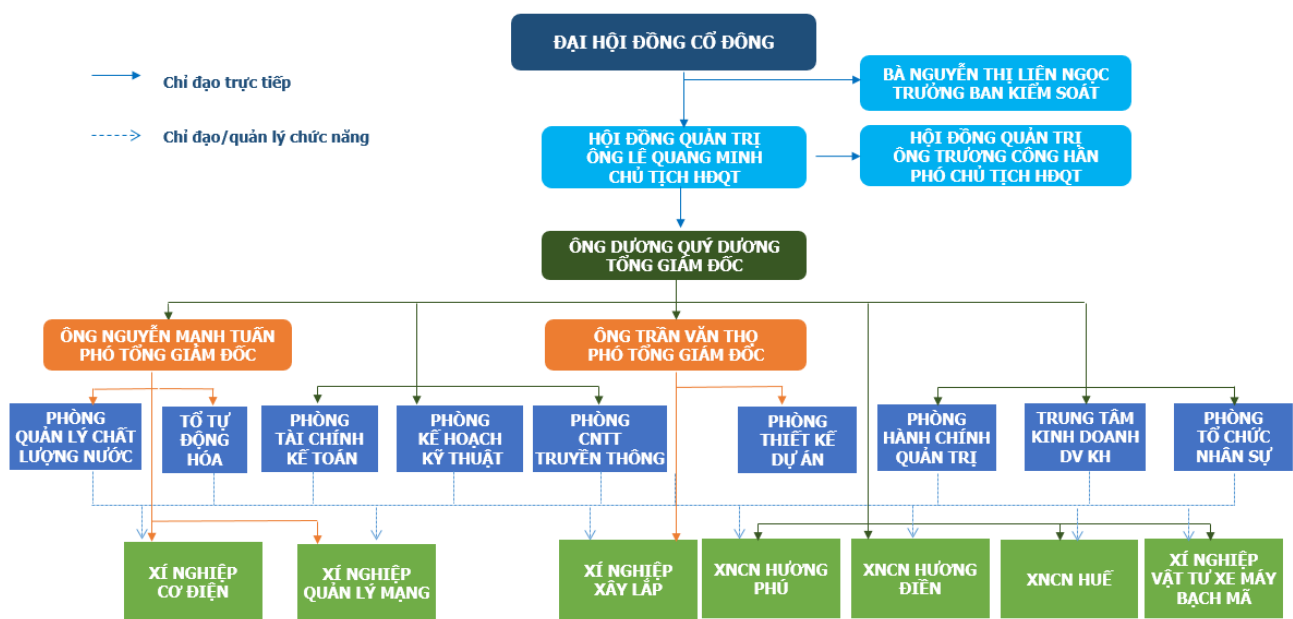
- + Đại hội đồng cổ đông;
- + Hội đồng quản trị;
- + Ban Kiểm soát;
- + Ban Tổng Giám đốc;

+ 9 phòng ban, đơn vị chuyên môn; gồm: Phòng Hành chính Quản trị; Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Kế hoạch Kỹ thuật; Phòng Tổ chức Nhân sự; Phòng Thiết kế Dự án; Phòng Công nghệ thông tin Truyền thông; Phòng Quản lý Chất lượng nước; Tổ Tự động hóa và Trung tâm Kinh doanh Dịch vụ khách hàng.

+ 7 Xí nghiệp, gồm: Xí nghiệp Cấp nước Huế; Xí nghiệp Cấp nước Hương Điền; Xí nghiệp Cấp nước Hương Phú; Xí nghiệp Xây lắp ; Xí nghiệp Quản lý mạng; Xí nghiệp Cơ điện; Xí nghiệp Vật tư Xe máy.

+ Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

- Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty:



- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Hội đồng quản trị (HĐQT):** Là cơ quan quản lý Công ty do ĐHCĐ bầu ra. HĐQT có toàn quyền quyết định, thực hiện mọi vấn đề liên quan tới mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHCĐ quyết định. Hội đồng quản trị hiện tại gồm 07 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch HĐQT, 01 Phó Chủ tịch HĐQT và 05 thành viên HĐQT. Hội đồng quản trị có các trách nhiệm chính như sau:

+ Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ;

+ Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

+ Thành viên HĐQT sẽ được phân công giám sát từng lĩnh vực hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý Công ty;

+ Quyền và nhiệm vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

- **Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ của Công ty bầu. Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm, có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ.

- **Ban Tổng Giám đốc:** Ban Tổng Giám đốc Công ty bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó tổng Giám đốc đều do HĐQT bổ nhiệm. Hiện tại, Công ty có 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó tổng Giám đốc, các thành viên đều tham gia làm việc toàn thời gian cho Công ty.

Trách nhiệm chính của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc là:

+ Thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

+ Trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh hàng năm và thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua.

+ Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, quyết định mức lương, lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, ngoại trừ những chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT, Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật quy định.

- **Các phòng ban, đơn vị chuyên môn:** Các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, HĐQT. Các cán bộ phụ trách phòng ban nghiệp vụ do Tổng Giám đốc quyết định theo phân cấp được HĐQT phê duyệt; Các chuyên viên, nhân viên nghiệp vụ thực hiện các công việc do cán bộ phụ trách phân công.

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu:

- Đột phá về cơ cấu tổ chức, nhân sự: Nguồn nhân lực là chìa khóa vàng của thành công gắn với phát huy quyền làm chủ của tập thể.

- Đột phá về quản trị điều hành: quản trị hiệu quả hoạt động, quản trị rủi ro; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật, các giải pháp công nghệ hiện đại, đổi mới liên tục.

- Đột phá về cơ sở vật chất, nhà máy, thiết bị: ngày càng hiện đại, vận hành trên nền tảng công nghệ số.

5.2. Thực hiện 5 nhóm giải pháp trọng tâm:

- Tái cơ cấu, quy hoạch nhân sự, đẩy mạnh đào tạo.

- Nâng cao chất lượng nước, đảm bảo cấp nước an toàn gắn với an ninh nguồn nước, xây dựng Trung tâm điều hành và Trung tâm kinh doanh DVKH trên nền tảng số, dịch vụ hoàn hảo.

- Tạo sự đột phá về Doanh thu dựa trên tiềm năng thế mạnh sẵn có; tiết giảm chi phí; kinh doanh ngày càng hiệu quả.

- Triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch, đảm bảo hiệu quả cao nhất.

- Đảm bảo hài hòa lợi ích: cổ đông, người lao động, cộng đồng để phát triển bền vững.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro về môi trường

- Tình trạng biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, nắng nóng kéo dài bất thường làm chất lượng nguồn nước suy giảm và xâm nhập mặn; mưa lớn nhiều tháng liền, lạnh sâu và bão lũ lớn với tần suất ngày càng tăng; trong khi cơ sở hạ tầng vẫn chưa đảm bảo, nhiều nhà máy đã đầu tư qua nhiều năm hiện đã quá cũ, công suất thiếu, bể chứa nhỏ... nên khó duy trì an ninh nước, nguy cơ rủi ro cao.

- Tình trạng nước nguồn bị ô nhiễm do chất thải, nước thải chưa qua xử lý từ các khu dân cư, trang trại chăn nuôi gia súc và nhà máy công nghiệp thải trực tiếp xuống sông...

6.2. Rủi ro về dịch bệnh

- Năm 2022, đại dịch Covid-19 vẫn ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực kinh tế xã hội của cả nước nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng, nhất là các chỉ tiêu về sản lượng nước tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận của Công ty cũng bị giảm đáng kể.

6.3. Rủi ro đặc thù

- Rủi ro thất thu, thất thoát nước: Hoạt động cung cấp nước sạch thông qua hệ thống mạng lưới ống cấp nước ngầm dưới đất của Công ty tiềm ẩn rủi ro lớn là thất thoát nước. Nguyên nhân của tình trạng này do đường ống lâu năm bị mòn, vỡ, chủng loại ống, vi phạm sử dụng nước hoặc do sự chùng chéo trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, viễn thông, làm tăng nguy cơ các sự cố vỡ đường ống. Thất thoát nước thường khó phát hiện, công tác sửa chữa cũng thường khó khăn và tốn kém do hệ thống nước ngầm này nằm bên dưới các công trình dân cư, công trình công cộng, từ đó gây tổn thất tài chính cho Công ty.

- Ngoài ra địa bàn cấp nước rộng lớn, bao gồm cả đô thị, nông thôn, các khu vực bãi ngang, đầm phá ven biển và miền núi. Do vậy, khó khăn trong công tác quản lý, giảm tỷ lệ nước không doanh thu. Đồng thời, cần nguồn vốn đầu tư lớn để duy trì, bảo dưỡng hệ thống.

- Các công trình cấp nước nông thôn tiếp nhận hầu hết đã xuống cấp nghiêm trọng, để đảm bảo hoạt động đồng bộ và có hiệu quả cần nguồn vốn đầu tư lớn để nâng cấp, cải tạo, đảm bảo cấp nước an toàn.

- Rủi ro đầu vào sản xuất: rủi ro về cạn kiệt nguồn nước do phụ thuộc và sự ổn định trữ lượng nguồn nước và chất lượng nguồn nước thô, với tình trạng chung ngày càng cạn kiệt do tác động của môi trường. Chi phí điện năng chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá thành, trong khi giá điện có xu hướng ngày càng tăng.

6.4. Các rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro có thể ảnh hưởng xuyên suốt đến quá trình hoạt động của Công ty, còn có một số rủi ro nằm ngoài dự đoán như: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động,... dù rất hiếm nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD Công ty.

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022, Công ty đã không ngừng nỗ lực vượt nhiều khó khăn, thách thức để hoàn thành các chỉ tiêu theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2022 đã đề ra.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2022	So với thực hiện 2021		So với kế hoạch 2022	
				TH 2021	TH2022/TH2021	KH 2022	TH2022/KH 2022
1	Sản lượng nước thương phẩm	tr.m3	56,94	56,13	101,46%	57,60	98,86%
2	Tổng doanh thu + thu nhập khác	tỷ đồng	606,74	599,13	101,27%	599,29	101,24%
	- Doanh thu nước sạch	tỷ đồng	558,15	545,03	102,41%	562,73	99,19%
	- Doanh thu khác	tỷ đồng	48,61	54,09	89,87%	36,56	132,97%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	133,67	126,65	105,55%	127,50	104,84%
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	118,16	101,30	116,65%	102,00	115,85%
5	Tổng tài sản	tỷ đồng	2.038,26	1.912,34	106,59%		
6	Vốn điều lệ	tỷ đồng	876,00	876,00	100,00%	876,00	100,00%
7	Nộp ngân sách	tỷ đồng	65,21	70,18	92,92%	70,50	92,49%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách ban điều hành

- Giới thiệu HĐQT

T	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Lê Quang Minh	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 24/12/2021)	Sở hữu đại diện: 31.278.300 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	35,71%
2	Ông Trương Công Hân	Phó CT HĐQT	Sở hữu cá nhân: 69.300 cổ phần	0,08%
			Sở hữu đại diện: 8.586.200 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	9,80%
3	Ông Dương Quý Dương	TV HĐQT; Tổng Giám đốc	Sở hữu cá nhân: 45.200 cổ phần	0,05%
			Sở hữu đại diện: 9.199.500 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	10,50%

T T	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
4	Ông Trần Văn Thọ	TV HĐQT; Phó TGD	<i>Sở hữu cá nhân: 134.900 cổ phần</i>	0,15%
			<i>Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	7,00%
5	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	TV HĐQT; Phó TGD	<i>Sở hữu cá nhân: 250.500 cổ phần</i>	0,29%
6	Ông Trương Minh Châu	TV HĐQT; Kế toán trưởng (từ 01/01 đến 17/6/2022)	<i>Sở hữu cá nhân: 65.900 cổ phần</i>	0,08%
			<i>Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	7,00%
7	Ông Vương Đình Nam	TV HĐQT; Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 17/6/2022)	<i>Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	7,00%
8	Ông Trịnh Kiên	TV HĐQT	<i>Sở hữu đại diện: 10.090.909 cổ phần (Công ty Cổ phần DNP Holding)</i>	11,52%

- Giới thiệu Ban điều hành

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Dương Quý Dương	Tổng Giám đốc
2	Ông Trần Văn Thọ	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Vương Đình Nam	Kế toán trưởng

- Tóm tắt lý lịch các thành viên HĐQT

Ông Lê Quang Minh – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Lê Quang Minh
Năm sinh	01/03/1971
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế - Đại học Kinh tế Huế
Chức vụ tại Công ty	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ tại các công ty khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 31.278.300 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 11/1993 - 07/2004: Chuyên viên, Thanh tra viên cấp 1, Ủy viên Ủy ban kiểm tra Đảng bộ Sở Tài chính Vật giá Thừa Thiên Huế nhiệm kỳ 2003 – 2005. - Từ 08/2004 đến 14/01/2005: Công tác tại phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính. Từ 01/12/2004, Phó chánh thanh tra Tài chính – Giá cả, Sở Tài chính. - Từ 15/01/2005 - 2006: Chuyên viên Phòng Tổng Hợp Văn phòng UBND tỉnh; Bí thư Chi bộ I Đảng bộ Văn phòng UBND tỉnh. - Từ 2006-2007: Phó Trưởng phòng Tổng hợp Văn phòng UBND tỉnh; Bí thư Chi bộ I, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Văn phòng UBND tỉnh. - Từ 2007-04/5/2015: Trưởng phòng Tổng hợp Văn phòng UBND tỉnh; Bí thư Chi bộ Tổng hợp Kinh tế, Ủy viên BCH Đảng bộ Văn phòng UBND tỉnh. - Từ 05/5/2015-28/02/2019: Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển và bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh TT. Huế. - Từ 01/3/2019 - 24/12/2021: Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh TT.Huế; Bí thư Chi bộ cơ sở Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh TT. Huế. - 24/12/2021 - nay: Ủy viên BCH Đảng bộ Khối CQ &DN (Từ 30/9/2022); Bí thư Đảng ủy Công ty, NK 2020 – 2025 (Từ 17/10/2022); Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.
---------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ông Trương Công Hân – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên	Trương Công Hân
Năm sinh	30/05/1982
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Kinh tế Huế; Kỹ sư Cấp thoát nước
Chức vụ tại Công ty	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.
Chức vụ tại các công ty khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 69.300 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 8.586.200 cổ phần

	(UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)
Quá trình công tác	<p>- Từ 07/2004 – 05/2007: Nhân viên phòng Tổ chức Hành chính và phòng Kế hoạch Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 06/2007 – 09/2008: Phó Phòng Kế hoạch Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 10/2008 – 05/2010: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 06/2010 – 11/2014: Phó Bí thư Đảng ủy (nhiệm kỳ 2010 – 2015); Ủy viên BCH Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam; Đại biểu HĐND thành phố Huế nhiệm kỳ 2011 – 2016.</p> <p>- Từ 12/2014 – 12/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT.Huế.</p> <p>- Từ 01/2017 – 06/2020: Phó Bí thư Đảng bộ Công ty (NK 2015 – 2020); Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.</p> <p>- Từ 06/2020 – 17/06/2022: Bí thư Đảng ủy Công ty, NK 2020 – 2025; Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế; Đại biểu HĐND Tỉnh TT.Huế nhiệm kỳ 2021-2026.</p> <p>- Từ 17/06/2022 – nay: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty, NK 2020 – 2025 (Từ 13/02/2023); Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế;</p>

Ông Dương Quý Dương – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Họ và tên	Dương Quý Dương
Năm sinh	22/10/1978
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Kinh tế Huế; Cử nhân Tiếng Anh – Đại học Ngoại ngữ Huế
Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.
Chức vụ tại các công ty khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 45.200 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 9.199.500 cổ phần

	<i>(UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 10/2000 – 11/2003: Nhân viên phòng Tổ chức – Hành chính, Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế. - Từ 12/2003 – 12/2007: Phó phòng Hành chính – Pháp chế, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 01/2008 – 02/2011: Phó phòng lao động tiền lương, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 03/2011 – 09/2014: Trưởng phòng Lao động tiền lương Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 10/2014 – 12/2016: Trưởng phòng Đào tạo phát triển nguồn nhân lực, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 01/2017 – 06/2020: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế. - Từ 06/2020 – 17/06/2022: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty, NK 2020 – 2025 (Đến 03/2022); Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế. - Từ 17/06/2022 – nay: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty, NK 2020 – 2025 (Từ 13/02/2023); Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.

Ông Trần Văn Thọ – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Trần Văn Thọ
Năm sinh	25/09/1980
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản lý kinh tế - Đại học Kinh tế Huế; Kỹ sư Cấp thoát nước
Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.
Chức vụ tại các công ty khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 134.900 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần

	<i>(UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 10/2002 – 03/2003: Nhân viên phòng Kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế. - Từ 04/2003 – 12/2007: Nhân viên phòng Thiết kế Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 12/2007 – 12/2008: Trưởng phòng thiết kế Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 12/2008 – 12/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 01/2017 – 06/2020: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế. - Từ 06/2020 – 17/06/2022: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty, NK 2020 – 2025; Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế. - Từ 17/06/2022 – nay: Ủy viên TV Đảng ủy Công ty, NK 2020-2025 (Từ 8/2022); Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.

Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Mạnh Tuấn
Năm sinh	10/10/1962
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện kỹ thuật - Đại học Bách khoa Đà Nẵng
Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.
Chức vụ tại các công ty khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 250.500 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 07/1986 – 07/1987: Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Dệt Phú Xuân. - Từ 07/1987 – 05/1988: Phân xưởng trưởng Phân xưởng điện Xí nghiệp Dệt Phú Xuân. - Từ 05/1988 – 07/1989: Quản đốc Phân xưởng cơ điện Xí nghiệp Dệt Phú Xuân.

	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 08/1989 – 08/1994: Nhân viên phòng Kế hoạch Kỹ thuật, Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế. - Từ 09/1994 – 12/1999: Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật - vật tư, Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế. - Từ 01/2000 – 12/2005: Phó Giám đốc Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế. - Từ 12/2005 – 12/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT.Huế - Từ 01/2017 – 06/2020: Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty, NK 2015 – 2020; Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế. - Từ 06/2020 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.
--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ông Trương Minh Châu – TV HĐQT, Kế toán trưởng (Đến 17/6/2022)

Họ và tên	Trương Minh Châu
Năm sinh	31/10/1977
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng, Cử nhân kế toán, Đại học Kinh tế Huế
Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế (Đến 17/6/2022)
Chức vụ tại các công ty khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 65.900 cổ phần Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 10/1999 – 09/2008: Nhân viên kế toán Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT. Huế. - Từ 10/2008 – 12/2009: Phó phòng Kế toán Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT. Huế. - Từ 01/2010 – 08/2012: Phó phòng Kế toán kiêm Kế toán tổng hợp Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 09/2012 – 12/2016: Kế toán trưởng Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 01/2017 – 17/6/2022: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.

	- Từ 17/06/2022 – nay: Trưởng phòng Công nghệ thông tin – Truyền thông
--	------------------------------------------------------------------------

Ông Vương Đình Nam – TV HĐQT, Kế toán trưởng (Từ 17/6/2022)

Họ và tên	Vương Đình Nam
Năm sinh	24/04/1981
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản lý kinh tế – Đại học Kinh tế Huế; Cử nhân Kế toán – Đại học Kinh tế & QTKD Đà Nẵng
Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.
Chức vụ tại các công ty khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 11/2003 – 11/2004: Cán bộ tập sự tại Thanh tra Sở Tài chính Thừa Thiên Huế. - Từ 11/2004 – 11/2007: Chuyên viên Thanh tra Sở Tài chính Thừa Thiên Huế. - Từ 11/2007 – 06/2015: Thanh tra viên Thanh tra Sở Tài chính Thừa Thiên Huế. - Từ 06/2015 – 10/2016: Trưởng Ban kiểm soát Quỹ Đầu tư phát triển và Bảo lãnh tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế. - Từ 10/2016 – 02/2019: Kế toán trưởng Quỹ Đầu tư phát triển và Bảo lãnh tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế. - Từ 03/2019 – 06/2022: Kế toán trưởng Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế. - Từ 06/2022 – nay: Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty, NK 2020 – 2025 (Từ 21/11/2022); Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế

Ông Vũ Anh Tuấn – TV HĐQT (Đến 17/6/2022)

Họ và tên	Vũ Anh Tuấn
Năm sinh	18/12/1975
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Xây dựng dân dụng và công nghiệp - Đại học Xây dựng Hà Nội,
Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ tại các công ty khác	Giám đốc CTCP Đầu tư hạ tầng nước DNP – Long An
Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 10.090.909 cổ phần
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 1997 – 2008: Cán bộ Tổng Công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam. - Từ 2008 – 2015: Phó Giám đốc Công ty Sông Đà Thăng Long - Từ 2015 – nay: Giám đốc CTCP Đầu tư hạ tầng nước DNP – Long An. - Từ 01/2017 – 17/6/2022: Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế, Giám đốc CTCP Đầu tư hạ tầng nước DNP – Long An.

Ông Trịnh Kiên – Thành viên HĐQT

Họ và tên	Trịnh Kiên
Năm sinh	18/12/1979
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ tại các công ty khác	<ul style="list-style-type: none"> - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DNP Holding - Thành viên HĐQT - Công ty CP Cấp thoát nước Cà Mau; - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần DNP Hawaco - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần DNP Hawaco Miền Nam - Thành viên HĐQT - Công ty CP Cấp thoát nước Long An; - Thành viên HĐQT – Công ty CP Đô thị Ninh Hòa.
Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 10.090.909 cổ phần

	<i>(Công ty Cổ phần DNP Holding)</i>
Quá trình công tác	<p>- Từ 09/2013 – 06/2022: Giám đốc kinh doanh, sau đó là Phó Tổng Giám đốc Công ty CP DNP Holding.</p> <p>- Từ 06/2022 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế; Phó Tổng Giám đốc Công ty CP DNP Holding.</p>

- Giới thiệu Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Nguyễn Thị Liên Ngọc	Trưởng BKS	Sở hữu cá nhân: 356.200	0,4%
2	Bà Trần Thị Bé	TV BKS	Sở hữu cá nhân: 90.100	0,1%
3	Bà Đào Thị Hoàng Oanh	TV BKS	Sở hữu đại diện: 2.293.018 (Công ty TNHH Cơ điện Hawaco)	2,62%

- Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban kiểm soát

ST T	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác
1	Bà Nguyễn Thị	30/07/1978	Trưởng BKS	Không có	Thạc sỹ Quản lý kinh tế	- Từ 08/2000 – 08/2001: Nhân viên phòng Kế hoạch, Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế.

ST T	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác
	Liên Ngọc				<p>- Đại học Kinh tế Huế; Cử nhân Kế toán – ĐH Kinh tế Huế; Cử nhân Toán – Tin học</p> <p>- Đại học Khoa học Huế</p>	<p>- Từ 09/2001 – 01/2006: Nhân viên phòng Kế toán, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 02/2006 – 03/2007: Nhân viên Xí nghiệp Xây dựng cơ bản, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 04/2007 – 11/2011: Nhân viên phòng Kế toán, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 12/2011 – 12/2016: Ủy viên BCH Đảng ủy; Kiểm soát viên, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT.Huế.</p> <p>- Từ 01/2017 - nay: Ủy viên TV Đảng ủy Công ty; Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.</p>
2	Bà Nguyễn Ái Minh	09/04/1988	TV BKS (Đến 17/6/2022)	Không có	<p>Cử nhân kế toán - tài chính Đại học Kinh tế Huế</p>	<p>- Từ 10/2010 – 12/2016: Nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 01/2017 – 17/6/2022: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.</p>
3	Bà Trần Thị Bé	17/09/1971	TV BKS	Không có	<p>Cử nhân Tài chính</p>	<p>- Từ 08/2000 – 02/2003: Nhân viên Đội xe & Cung ứng vật tư, Công ty Cấp thoát nước TT. Huế.</p>

ST T	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác
			(Từ 17/6/2 022)		Kế toán - Đại học Tài chính Kế toán Tp.HC M	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 03/2003 – 06/2010: Nhân viên Phòng Kế toán, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT. Huế. - Từ 07/2010 – 02/2012: Phó Chi nhánh Cấp nước Tứ Hạ, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT. Huế. - Từ 03/2012 – 02/2013: Trưởng Chi nhánh cấp nước Tứ Hạ, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT. Huế. - Từ 03/2013 – 10/2013: Phó phòng Dịch vụ khách hàng, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT. Huế. - Từ 11/2013 – 05/2014: Phó Giám đốc Xí nghiệp Cấp nước Huế, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT. Huế. - Từ 06/2014 – 08/2015: Giám đốc Xí nghiệp cấp nước Hương Phú, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT. Huế. - Từ 08/2015 – 01/2022: Giám đốc Xí nghiệp NUĐC Bạch Mã, Công ty Cổ phần Cấp nước TT. Huế. - Từ 02/2022 – 12/2022: Giám đốc Xí nghiệp Vật tư - Xe máy – Bạch Mã, Công ty Cổ phần Cấp nước TT. Huế.

ST T	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác
						- Từ 01/2023 – nay: Giám đốc Xí nghiệp Vật tư - Xe máy, Công ty Cổ phần Cấp nước TT. Huế.
4	Bà Nguyễn Thị Trang	07/9/1984	TV BKS (Đến 17/6/2022)	Giám đốc Công ty TNHH Cơ điện Hawaco	Kỹ sư kinh tế giao thông	
5	Bà Đào Thị Hoàng Oanh	25/05/1985	TV BKS	Nhân viên Công ty TNHH Cơ điện Hawaco	Cử nhân Kinh tế - ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội	- Từ 2009 – 2015: Nhân viên Kế toán tổng hợp, Công ty CP Techmate; - Từ 2015 – 2018: Kế toán trưởng Công ty CP TM VT Sao Bắc - Từ 2019 – nay: Nhân viên Công ty TNHH Cơ điện Hawaco

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên

- Số lượng nhân sự:

TT	Tiêu chí	Số lượng 2022 (người)	Số lượng 2021 (người)	Tăng, giảm 2022/2021 (%)
I	Theo trình độ lao động			
1	Trình độ trên Đại học	20	17	17,65
2	Trình độ Đại học	187	175	6,86
3	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp	106	110	-3,64
4	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	157	167	-5,99
5	Lao động phổ thông	43	46	-6,52
II	Theo đối tượng lao động			
1	Lao động trực tiếp	311	319	-2,51

TT	Tiêu chí	Số lượng 2022 (người)	Số lượng 2021 (người)	Tăng, giảm 2022/2021 (%)
2	Lao động gián tiếp	202	196	3,06
III	Theo giới tính			
1	Nam	386	387	-0,26
2	Nữ	127	128	-0,78
IV	Theo độ tuổi			
1	Dưới 25	6	2	200
2	Từ 25-35	100	111	-9,91
3	Trên 35	407	402	1,24
V	Theo thời gian làm việc tại công ty			
1	Từ 0-2 năm	29	14	107,14
2	Từ 2-5 năm	40	38	5,26
3	Từ 5-10 năm	81	104	-22,12
4	Trên 10 năm	363	359	1,11
*	Tổng cộng	513	515	-0,39

- Chính sách nhân sự:

Xây dựng các mục tiêu đột phá về cơ cấu tổ chức, nhân sự:

Thực hiện tái cơ cấu tổ chức bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, phù hợp nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị được giao; phân công đúng người, đúng việc để phát huy sở trường công tác, phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2022-2026, tầm nhìn 2030.

Xây dựng quy hoạch Lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp giai đoạn 2022-2026, tầm nhìn 2030; Xây dựng các kế hoạch đào tạo, luân chuyển cán bộ phù hợp với quy hoạch nhân sự.

Chính sách tuyển dụng: Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh; yêu cầu vị trí công việc, nhu cầu sử dụng lao động; Công ty lập kế hoạch, triển khai thực hiện đổi mới công tác tuyển dụng: Tổ chức ứng tuyển, thi tuyển các chức danh Giám đốc Trung tâm Kinh doanh - DVKH, Phó phòng Công nghệ thông tin - Truyền thông, Phó phòng Thiết kế - Dự án; Công khai minh bạch trong công tác tuyển dụng, thu hút 23 nhân sự trình độ cao ở các vị trí: Kỹ sư tự động hóa, Kỹ sư vận hành; Cử nhân Kế toán...; nhằm đáp ứng yêu cầu công việc phù hợp với định hướng, nhu cầu phát triển của Công ty.

Chế độ làm việc: Công ty thực hiện chế độ làm việc 8h/ngày; 40 giờ/ tuần.

Chính sách trả lương: Việc trả lương cho người lao động được thực hiện theo quy chế Tiền lương và thu nhập của Công ty; đồng thời căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh chung của bộ phận, đơn vị và mức độ đóng góp của người lao động theo hiệu quả công việc. Kế hoạch cụ thể về quỹ lương sẽ do Hội đồng lương của Công ty quyết định trên cơ sở kế hoạch SXKD, các chỉ tiêu về lao động sử dụng, doanh thu, lợi nhuận đảm bảo công bằng, hợp lý, đúng quy định Công ty và theo chế độ Nhà nước nhằm khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.

Chính sách khen thưởng: Được thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng Công ty, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, công bằng; gắn với việc hoàn thành các công tác trọng tâm, trọng điểm; các chỉ tiêu kế hoạch, giao khoán của các bộ phận. Công ty thực hiện chế độ khen thưởng xứng đáng, đúng người, đúng việc, kịp thời để động viên, giáo dục; nhân rộng nhân tố mới, phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của người lao động nhằm thúc đẩy phong trào thi đua Công ty phát triển liên tục; lựa chọn và công khai biểu dương khen thưởng những cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc hàng quý, 6 tháng, năm.

Phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của chế độ chính sách nhà nước. Trong năm 2022, Công ty đã sử dụng có hiệu quả Quỹ phúc lợi chi cho các hoạt động phúc lợi của người lao động như chi tiền hỗ trợ vào các dịp Lễ Giỗ Tổ, Lễ 30/4 – 01/5, Lễ Quốc Khánh 02/9; Tết Đoan Ngọ, Tết Dương Lịch, Tết Nguyên Đán; hỗ trợ các đợt tham quan, nghỉ dưỡng cho người lao động; Ngoài ra, Công ty còn trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động kể cả những trường hợp nghỉ hưu, về mất sức, mắc bệnh hiểm nghèo...

Đổi mới công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV Công ty:

Thực hiện thường xuyên, có hiệu quả công tác nắm bắt tâm tư, nguyện vọng; khảo sát sự thỏa mãn các chính sách, chế độ của Công ty; nắm bắt tư tưởng, tình cảm, hoàn cảnh bản thân, gia đình CBCNV; Quan tâm, động viên, tặng quà CBCNV là Cựu quân nhân, con em gia đình Thương binh Liệt sĩ nhân dịp 22/12 hàng năm...

Đổi mới công tác tổ chức khám sức khỏe định kỳ nhằm nâng cao hiệu quả công tác khám, chữa, ngăn ngừa bệnh tật, cho CBCNV; Thực hiện tốt chế độ, chính sách BHXH, BHYT, BHTNLD, BNN và các chế độ liên quan cho người lao động; Xây dựng phong trào TĐTT, rèn luyện sức khỏe trong toàn CBCNV Công ty; Giải quyết chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho CBCNV-LĐ làm việc ở những khu vực và mang tính chất độc hại (*phụ cấp bồi dưỡng bằng hiện vật tính theo định suất hàng ngày và có giá trị tương ứng mức 1:10.000 và mức 2: 15.000 đồng/ngày làm việc*).

Tổ chức Hội thao, Hội diễn văn nghệ “Gia đình HueWACO” với rất nhiều các hoạt động sôi nổi và bổ ích; Tổ chức 09 đoàn tham quan, nghỉ dưỡng cho gần 300 CBCNV

cùng gia đình tham quan nghỉ dưỡng trong và ngoài nước; nhằm tái tạo sức lao động, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cùng gia đình vào các dịp nghỉ Lễ, Tết trong năm.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Trong năm 2022, công ty triển khai thực hiện đúng quy hoạch cấp nước toàn tỉnh, trong đó trọng điểm là hai dự án: Dự án Nhà máy xử lý nước sạch Vạn Niên công suất 120.000m³/ngđ (GD1 60.000m³/ngđ) và Dự án Cấp nước nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016-2020.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2021	Tăng giảm (%) so 2021
Doanh thu thuần	triệu đồng	595.737	586.443	1,58%
Lợi nhuận gộp	triệu đồng	220.600	178.928	23,29%
Chi phí BH và QLDN	triệu đồng	50.624	56.150	-9,84%
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	133.675	126.646	5,55%
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	118.163	101.295	16,65%
EPS	đồng	1.352	1.159	16,65%

Năm 2022, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 595,737 tỷ đồng, tăng 1,58% so với cùng kỳ và hoàn thành 101,25% kế hoạch năm. Trong đó doanh thu sản xuất kinh doanh nước sạch đạt 558,147 tỷ đồng, tăng 2,41% và doanh thu khác đạt 37,590 tỷ đồng, giảm 9,22% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận sau thuế đạt 118,163 tỷ đồng, tăng 16,65% so với cùng kỳ và hoàn thành 115,85% kế hoạch năm, tương đương EPS 1.352 đồng.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2022 đạt 8,50% trên doanh thu thuần. Các chi phí vận hành của Công ty đã được tối ưu hóa đáng kể so với tỷ lệ 9,57% năm ngoái.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	2022	2021	Tăng/ giảm 2022 so 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán hiện hành	lần	1,72	1,06	0,65
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,33	0,74	0,59
- Hệ số thanh toán tiền mặt	lần	0,49	0,18	0,31

Các chỉ tiêu	ĐVT	2022	2021	Tăng/ giảm 2022 so 2021
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	48,40	48,64	(0,24)
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	93,78	94,69	(0,91)
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	8,46	8,44	0,02
- Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,30	0,30	(0,00)
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	19,83	17,27	2,56
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	11,23	10,31	0,92
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	5,80	5,30	0,50
- Hệ số lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần	%	37,03	30,51	6,52

- *Khả năng thanh toán*: Chỉ số thanh toán hiện hành năm 2022 của công ty > 1 đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

- *Cơ cấu vốn*: Hệ số nợ/ tổng tài sản và hệ số nợ/vốn CSH đều giảm so với cùng kỳ năm 2021 => Tốt.

- *Năng lực hoạt động*: Các chỉ số vòng quay vốn lưu động đều được cải thiện trong năm 2022 cho thấy Công ty vẫn phát huy được chính sách quản lý hàng tồn kho hiệu quả và tối ưu.

- *Khả năng sinh lời*: Năm 2022 với sự nỗ lực phát triển doanh thu và kiểm soát chi phí, tỷ suất lợi nhuận của công ty vẫn được duy trì ở mức cao.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tính đến ngày 29/03/2023 số lượng cổ phần của Công ty như sau:

Vốn điều lệ đăng ký: 876.000.000.000 đồng

Tổng khối lượng cổ phần đã phát hành và niêm yết: 87.600.000 đồng

Loại cổ phần: 1 quyền/cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ: 217.000 cổ phần

Loại phổ thông, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

Căn cứ theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/09/2022 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu.

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông lớn (>=5%)	67.994.000	77,62
	- Trong nước	67.994.000	77,62
	- Nước ngoài	-	-
2	Cổ đông khác (<=5%)	19.389.000	22,13
	- Trong nước	19.316.100	22,05
	- Nước ngoài	72.900	0,08
3	Cổ phiếu quỹ	217.000	0,25
Tổng cộng		87.600.000	100%

- Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế	61.330.000	70,01
2	Trương Phước Tuệ	6.664.000	7,61

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Lịch sử tăng vốn: Kể từ thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần (01/1/2017), đến nay, Công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu, do đó, mức vốn điều lệ giữ nguyên là 876.000.000.000 đồng.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các yếu tố có thể ảnh hưởng đến môi trường đều được Công ty chú trọng chỉ đạo, thực hiện để đảm bảo không gây ảnh hưởng môi trường.

Các dự án đầu tư đều được thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và thực hiện đầy đủ các cam kết chế độ báo cáo theo quy định về môi trường.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất nước sạch bao gồm một số hóa chất xử lý nước theo quy định phù hợp với tiêu chuẩn nước ăn uống như: Vôli, javel, PAC...

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt công tác xả thải ra môi trường. Cụ thể, trong quá trình sản xuất nước, phần bùn thu hồi sau quá trình xử lý nước, công ty lắp đặt hệ thống thu hồi trực tiếp ra sân phơi bùn. Sau khi phơi khô sẽ dùng để san lấp mặt bằng. Lượng bùn này đã được trung tâm Quatest II kiểm nghiệm ko nguy hại cho môi trường nên với sáng kiến thu hồi trên vừa tiết kiệm chi phí vật liệu san lấp, vừa giải quyết lượng chất thải ra môi trường.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

Công ty sử dụng nguồn năng lượng chính từ điện lưới quốc gia để phục vụ sản xuất kinh doanh; bên cạnh đó nhằm đảm bảo công tác cấp nước an toàn, liên tục Công ty sử dụng thêm nguồn nhiên liệu dầu diesel để vận hành máy phát khi có sự cố về lưới điện. Tuy nhiên từ năm 2018 đến nay, Công ty hướng tới sử dụng những nguồn năng lượng tái tạo như điện mặt trời, thủy điện tại các nhà máy tự chảy để đa dạng hóa nguồn năng lượng sử dụng và góp phần giảm tác hại môi trường bằng nguồn năng lượng xanh. Ngoài ra, Công ty đã phối hợp với các đơn vị chuyên môn bên ngoài thực hiện công tác kiểm toán năng lượng toàn Công ty để kiểm soát và thực hiện hiệu quả các giải pháp tiết giảm điện năng sử dụng.

6.4. Tiêu thụ nước

Nước đóng vai trò là nguồn nguyên liệu đầu vào đồng thời là sản phẩm đầu ra của công ty. Công ty sử dụng nguồn nước chủ yếu là nước mặt từ sông Hương, sông Bồ và sông Ô Lâu ... thông qua quá trình xử lý nước như lắng, lọc, khử trùng để sản xuất nguồn nước sạch cung cấp cho sinh hoạt, sản xuất, đáp ứng QCVN 01-1:2018 và Quy chuẩn địa phương QCĐP 01:2022/TT-H. Công ty cũng luôn chú trọng khai thác nguồn nước hợp lý, cũng như đăng ký đầy đủ các giấy phép khai thác, sử dụng nguồn nước mặt nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên nước cũng như đảm bảo sự phát triển bền vững của công ty.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các yếu tố có thể ảnh hưởng đến môi trường đều được Công ty chú trọng chỉ đạo, thực hiện để đảm bảo không gây ảnh hưởng môi trường.

- Các dự án đầu tư đều được thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và thực hiện đầy đủ các cam kết chế độ báo cáo theo quy định về môi trường.
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- Tất cả CBCNV- LĐ đều được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội đầy đủ, kịp thời. Quy chế, thỏa ước lao động được ký với công đoàn và được cấp trên phê duyệt.

- Công đoàn cơ sở công ty tạo nguồn vốn cho CBCNV cần vay vốn từ quỹ tương trợ do CBCNV đóng góp hàng tháng.

6.7. Trách nhiệm cộng đồng – xã hội

- Với định hướng phát triển bền vững trong tương lai, HueWACO không chỉ chú trọng tới lợi ích của Công ty mà còn quan tâm đến vấn đề cộng đồng và lợi ích xã hội. HueWACO luôn hiểu rằng sự phát triển của Công ty góp phần tạo nên sự phát triển của địa phương, xã hội, và ngược lại sự ủng hộ của cộng đồng địa phương cũng chính là động lực để Công ty nỗ lực hơn nữa trong tương lai. Công ty luôn tâm niệm rằng mọi hoạt động của công ty đang thực hiện đều hướng tới mục tiêu phục vụ cuộc sống của cộng đồng tốt hơn, để cả cộng đồng đều có thể được sử dụng nguồn nước sạch và an toàn. Trong những năm qua, công ty đã tổ chức nhiều hoạt động cộng đồng như quyên góp từ thiện, ủng hộ cho những đồng bào vùng lũ, hỗ trợ cán bộ công nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn,...

- Ngoài nỗ lực kinh doanh, năm 2022, HueWACO luôn tích cực tham gia và đạt nhiều kết quả tốt trong thực hiện từ thiện xã hội, đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ người nghèo, giúp đỡ đồng bào bị thiệt hại do bão lụt; hỗ trợ xây dựng nông thôn mới; Đồng hành cùng chương trình Nói nhip Nghĩa tình hàng tuần của đài TRT; tặng quà người tàn tật ở Trung tâm bảo trợ XH .v.v.. với tổng giá trị các hoạt động trong năm gần 700 triệu đồng.

C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022, Công ty đã không ngừng nỗ lực vượt khó, hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2022 đã đề ra (số liệu chi tiết trong mục B.1). Trong năm, Công ty thực hiện chấp hành tốt các chế độ, chính sách, pháp luật theo quy định về lĩnh vực thuế, tín dụng, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo tài chính và báo cáo khác.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	Chênh lệch	
			Số tiền	%
A. Tài sản ngắn hạn	449.731.833.069	348.746.734.820	100.985.098.249	28,96
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	130.092.410.109	59.540.230.635	70.552.179.474	118,49
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	40.000.000.000	0	40.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	183.460.147.530	184.271.511.873	-811.364.343	(0,44)
IV. Hàng tồn kho	43.743.231.813	44.918.021.567	-1.174.789.754	(2,62)
V. Tài sản ngắn hạn khác	52.436.043.617	60.016.970.745	-7.580.927.128	(12,63)
B. Tài sản dài hạn	1.588.532.124.588	1.563.589.425.056	24.942.699.532	1,60
I. Các khoản phải thu dài hạn	174.024.000	0	174.024.000	
II. Tài sản cố định	1.147.820.054.351	1.228.795.432.899	-80.975.378.548	(6,59)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	436.264.949.280	330.917.007.917	105.347.941.363	31,84
VI. Tài sản dài hạn khác	4.273.096.957	3.876.984.240	396.112.717	10,22
Tổng cộng tài sản	2.038.263.957.657	1.912.336.159.876	125.927.797.781	6,59

2.2. Tình hình nợ phải trả

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	Chênh lệch	
			Số tiền	%
I. Nợ ngắn hạn	266.174.128.291	328.466.892.222	-62.292.763.931	(18,96)
1. Phải trả cho người bán	20.481.910.396	17.755.310.886	2.726.599.510	15,36
2. Người mua trả tiền trước	16.313.950.700	4.672.010.982	11.641.939.718	249,18
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	5.636.574.530	12.471.212.773	-6.834.638.243	(54,80)
4. Phải trả người lao động	25.631.281.531	19.350.438.291	6.280.843.240	32,46
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	6.583.320.259	0	6.583.320.259	
6. Phải trả ngắn hạn khác	129.010.775.679	205.217.935.495	-76.207.159.816	(37,13)
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	47.559.243.182	56.011.978.154	-8.452.734.972	(15,09)
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	7.508.363.500	6.772.477.395	735.886.105	10,87

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	Chênh lệch	
			Số tiền	%
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.448.708.514	6.215.528.246	1.233.180.268	19,84
II. Nợ dài hạn	720.255.408.710	601.616.904.120	118.638.504.590	19,72
Tổng Nợ phải trả	986.429.537.001	930.083.796.342	56.345.740.659	6,06

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tôn chỉ hoạt động: Làm việc theo kế hoạch, giải quyết công việc theo quy trình, điều hành theo quy chế, quy định, định mức kỹ thuật.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát Ban Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty, Nâng cao chất lượng của Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, kiểm tra việc thực thi công việc theo sự phân công nhiệm vụ hoặc phân cấp từ HĐQT.

- Thực hiện tái cơ cấu các bộ phận theo hướng tinh giản, hiệu quả.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì cấp nước an toàn, hướng đến cấp nước an toàn và ngon, an ninh nước, phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường công tác nhân sự, phân cấp nhân sự chất lượng cao, làm tốt công tác dịch vụ khách hàng, hướng đến dịch vụ hoàn hảo.

- Nâng cao nhận thức người lao động, phát động thi đua tăng năng suất, chất lượng và cải tiến đổi mới phương pháp làm việc, phương pháp quản lý, khuyến khích người lao động đổi mới tư duy, sáng tạo, nâng cao hiệu quả làm việc.

- Không ngừng nghiên cứu, sáng tạo khoa học kỹ thuật; Các mục tiêu đột phá về cơ sở vật chất, nhà máy, thiết bị trên nền tảng công nghệ 4.0.

- Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh các sản phẩm tiềm năng thế mạnh để tạo đột phá về doanh thu ngoài sản xuất kinh doanh nước sạch dựa trên các đề tài sáng kiến, công nghệ do HueWACO làm chủ.

D. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

Năm 2022, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, Công ty đã nỗ lực hoàn thành tốt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra (số liệu chi tiết trong bảng mục B.1), các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều đạt và vượt mức đề ra, với một số kết quả đạt được cụ thể như sau: Sản lượng nước thương phẩm đạt 56,94 triệu m³ (tăng 1,46% tương ứng tăng 0,81 triệu m³ so với năm 2021); Tổng doanh

thu ước đạt 606,74 tỷ đồng (tăng 1,27% tương ứng tăng 7,61 tỷ đồng so với năm 2021); Lợi nhuận sau thuế ước đạt 118,16 tỷ đồng (tăng 16,65% tương ứng tăng 16,86 tỷ đồng so với 2021); Nộp ngân sách 65,21 tỷ đồng (giảm 7,08% so với 2021); Trong năm phát triển mới 7.958 khách hàng, nâng tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch toàn tỉnh đạt 96,2%.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ kịp thời, hợp lý và hiệu quả trong BTGD để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động, BTGD đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của HĐQT Công ty.

BTGD thực hiện tốt Nghị quyết HĐQT và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đề ra và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành về hoạt động của Công ty.

Hàng tháng, BTGD lập báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong tháng gửi HĐQT. Tại các cuộc họp của HĐQT, BTGD báo cáo tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh tính và phương hướng hoạt động trong tương lai để HĐQT xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có chỉ đạo kịp thời; BTGD đã điều hành hoạt động của Công ty kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho mọi hoạt động SXKD của Công ty.

Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với BTGD trong quá trình triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

3.1 Định hướng phát triển với 3 mục tiêu đột phá:

Đột phá về cơ cấu tổ chức, nhân sự: nguồn nhân lực là chìa khóa vàng của thành công gắn với phát huy quyền làm chủ của tập thể CBCNV.

Đột phá về quản trị điều hành: quản trị hiệu quả hoạt động, quản trị rủi ro; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật.

Đột phá về cơ sở vật chất, nhà máy, thiết bị ngày càng hiện đại, vận hành trên nền tảng công nghệ số.

3.2. Triển khai 5 giải pháp trọng tâm:

- *Thứ nhất, công tác tổ chức, nhân sự:* Nghiên cứu, đánh giá lại mô hình tổ chức và chức năng nhiệm vụ một số bộ phận để tái cơ cấu, xây dựng mô hình hoạt động phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển Công ty.

- *Thứ hai, công tác sản xuất nước, nâng cao chất lượng nước:* Đảm bảo sản xuất nước, cấp nước an toàn, liên tục gắn với an ninh nguồn nước theo các quy định và quy chuẩn về chất lượng nước. Nâng cao chất lượng, dịch vụ hoàn hảo cho 100% người dân, các đơn vị trên địa bàn tỉnh; đổi mới dịch vụ chăm sóc khách hàng, đánh giá sự hài lòng của Khách hàng đối với chất lượng nước và dịch vụ của HueWACO.

- *Thứ ba, nghiên cứu tạo sự đột phá về Doanh thu* dựa trên tiềm năng thế mạnh sẵn có; tiết giảm chi phí đảm bảo xây dựng giá thành, giá bán nước hợp lý; kinh doanh ngày càng hiệu quả:

- *Thứ tư, các giải pháp về đầu tư:* Tiếp tục thực hiện các Dự án đầu tư theo quy hoạch kế hoạch được duyệt; Tổ chức xây dựng kế hoạch vay vốn, trả nợ, trả lãi để đầu tư các Dự án theo Kế hoạch; đàm phán với các tổ chức tín dụng các điều kiện vay vốn, lãi suất, biện pháp bảo đảm tiền vay ... đảm bảo hiệu quả cao nhất cho Công ty.

- *Thứ năm, đảm bảo hài hòa lợi ích:* cổ đông, người lao động, cộng đồng để phát triển bền vững.

Các mục tiêu định hướng lớn, các giải pháp trọng tâm xoay quanh trục văn hóa, triết lý kinh doanh, thương hiệu của HueWACO đó là đặt khách hàng ở vị trí trung tâm: HueWACO vì sức khỏe cộng đồng.

3.3 Triển khai kế hoạch trọng tâm năm 2023

Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023, cụ thể:

Hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023: Sản lượng nước thương phẩm đạt: 57,648 tr.m³; phát triển gần 6.400 khách hàng mới, nâng tỷ lệ người dân sử dụng nước dự kiến đạt 97,04%, hướng đến gần 100% vào năm 2025. Doanh thu nước dự kiến: 564,3 tỷ đ; Lợi nhuận trước thuế dự kiến: 140,4 tỷ đ; Tỷ lệ thanh toán không tiền mặt dự kiến 75,6%; Tỷ lệ tồn thu dự kiến đạt 0,85%.

Tiếp tục thực hiện tốt các mục tiêu đột phá về cơ cấu tổ chức, nhân sự: Tiếp tục tái cơ cấu đợt 2 phù hợp theo định hướng được HĐQT thông qua nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị được giao; phân công đúng người, đúng việc để phát huy sở trường công tác. Tiếp tục tổ chức tuyển dụng nguồn nhân lực có chất lượng cao; Thi tuyển cán bộ Lãnh đạo, quản lý. Thành lập Trung tâm Tư vấn Thiết kế; tiếp tục rà soát, cân chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận nhằm tăng tính phối hợp, đảm bảo mỗi việc chỉ mỗi đầu mỗi quản lý, chịu trách nhiệm; hạn chế chồng chéo, nâng cao tính hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý, điều hành.

Các mục tiêu đột phá về Quản trị điều hành; quản trị hiệu quả hoạt động, quản trị rủi ro: Hoàn thiện xây dựng chiến lược phát triển công ty GD 2023-2030, tầm nhìn 2045. Tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng danh mục đơn vị và đối tượng khoán chi phí; Thực hiện tốt công tác phân cấp, ủy quyền, tạo sự chủ động và trao quyền nhiều hơn cho Trưởng các bộ phận, đơn vị; đi đôi với công tác kiểm tra, giám sát; hậu kiểm; Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật HueWACO đảm bảo đúng, đủ và có chất lượng.

Các mục tiêu đột phá về cơ sở vật chất, nhà máy, thiết bị trên nền tảng công nghệ 4.0:

+ Thực hiện đúng quy hoạch cấp nước trên địa bàn toàn tỉnh, nâng cấp MMTB, nhà xưởng; vận hành thương mại, Khánh thành Dự án nhà máy nước Vạn Niên 3, công suất 120.000m³/ngày đêm, giai đoạn 1: 60.000 m³/ngày đêm; Triển khai Dự án Công viên – Bảo tàng NMN Vạn Niên phù hợp với các thiết chế lịch sử văn hóa của Tỉnh.

+ Khánh thành và triển khai hoạt động Trung tâm vận hành tự động toàn Công ty. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng KHCN, CNTT tiến đến quản lý thông minh hệ thống cấp nước; văn phòng điện tử; dịch vụ khách hàng định hướng 4.0.

+ Triển khai thực hiện tốt các Dự án đầu tư trung hạn của HueWACO, Giai đoạn 2022 – 2026: Xây dựng NM Lộc Thủy công suất 11.000m³/ngđ; Trạm TCĐA Sịa, V=3.000m³; Trạm TCĐA Châu Sơn, V=10.000m³; Hoàn thành thi công các tuyến ống cấp nước D800 Đào Tấn – Dã Viên, D600 Võ Văn Kiệt (Huế - Hương Thủy), D600 QL1A đoạn tránh Huế, D355-225 Kinh Dương Vương, Bể lọc NM Lộc An... đảm bảo cấp nước an toàn bền vững, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

+ Triển khai các dự án đầu tư công trung hạn 2021 – 2025 tại các huyện A Lưới, Nam Đông, Phú Lộc, Phú Vang, Phong Điền, Quảng Điền và thị xã Hương Trà theo tiến độ cấp vốn.

+ Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai; Tạo đột phá về doanh thu ngoài sản xuất kinh doanh nước sạch từ tiềm năng thế mạnh, các đề tài sáng kiến, công

nghe do HueWACO làm chủ như: bể lắng thông minh; bể UBCF; xử lý sắt, mang gan; điện phân Javen; thông rửa hệ thống mạng cấp nước đảm bảo chất lượng nước - uống được tại vòi; tự động hóa sản xuất, ...

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Lê Quang Minh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Trương Công Hân	TV Hội đồng quản trị
3	Ông Trần Văn Thọ	TV Hội đồng quản trị
4	Ông Dương Quý Dương	TV Hội đồng quản trị
5	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	TV Hội đồng quản trị
6	Ông Trương Minh Châu	TV Hội đồng quản trị (miễn nhiệm từ ngày 17/06/2022)
7	Ông Vương Đình Nam	TV Hội đồng quản trị (bỏ nhiệm từ ngày 17/06/2022)
8	Ông Vũ Anh Tuấn	TV Hội đồng quản trị (miễn nhiệm từ ngày 17/06/2022)
9	Ông Trịnh Kiên	TV Hội đồng quản trị (bỏ nhiệm từ ngày 17/06/2022)

1.2. Đánh giá hoạt động của HĐQT

Với sự chỉ đạo kịp thời, sâu sát của HĐQT; sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể CBCNV đoàn kết, thống nhất đã từng bước khắc phục các tồn tại, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của HĐQT.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao. Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đều được thực hiện chặt chẽ và phù hợp.

Các cuộc họp của HĐQT:

T T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Quang Minh	CT HĐQT	24/12/2022	6/6	100%	
2	Ông Trương Công Hân	TV HĐQT	01/01/2017	5/6	83%	

3	Ông Dương Quý Dương	TV HĐQT	01/01/2017	6/6	100%	
4	Ông Trần Văn Thọ	TV HĐQT	01/01/2017	6/6	100%	
5	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	TV HĐQT	01/01/2017	6/6	100%	
6	Ông Trương Minh Châu	TV HĐQT	01/01/2017 - 17/06/2022	2/6	33%	
7	Ông Vương Đình Nam	TV HĐQT	17/06/2022	4/6	66%	Được bầu làm TV HĐQT theo NQ số 464/NQ-HWS ngày 17/06/2022
8	Ông Vũ Anh Tuấn	TV HĐQT	01/01/2017 - 17/06/2022	2/6	33%	
9	Ông Trịnh Kiên	TV HĐQT	17/06/2022	4/6	66%	Được bầu làm TV HĐQT theo NQ số 464/NQ-HWS ngày 17/06/2022

- Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	93/QĐ-HĐQT	14/02/2022	Quyết định v/v bổ nhiệm Người phụ trách quản trị và Thư ký công ty.
2	149/NQ-HĐQT	04/03/2022	Nghị quyết v/v tổ chức ĐHĐCD thường niên năm 2022.
3	183/NQ-HĐQT	14/03/2022	Nghị quyết v/v thống nhất đề xuất chủ trương đầu tư các dự án.
4	308/NQ-HĐQT	20/04/2022	Nghị quyết v/v gia hạn tổ chức ĐHĐCD thường niên năm 2022.
5	422/NQ-HĐQT	07/6/2022	Về việc Kế hoạch phát triển trung hạn giai đoạn 2022-2026
6	423/NQ-HĐQT	07/6/2022	Về việc nhiệm vụ trọng tâm và Kế hoạch sửa chữa lớn sửa chữa thường xuyên 06 tháng cuối năm 2022

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
7	424/NQ-HĐQT	07/6/2022	Về việc vay vốn Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương - VCB thực hiện dự án đầu tư NM XLN Vạn Niên công suất 120.000 m ³ /ngđ
8	463/NQ-HĐQT	17/6/2022	Về việc thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
9	464/NQ-HĐQT	17/6/2022	Về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
10	465/NQ-HĐQT	17/6/2022	Về việc Bổ sung ngành nghề kinh doanh
11	467/QĐ-HĐQT	17/6/2022	Về việc phê chuẩn Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
12	469/QĐ-HĐQT	17/6/2022	Về việc bầu Trưởng Bản kiểm soát
13	473/QĐ-HĐQT	17/6/2022	Về việc Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty
14	474/QĐ-HĐQT	17/6/2022	Về việc Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty
15	475/QĐ-HĐQT	17/6/2022	Về việc Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty
16	476/QĐ-HĐQT	17/6/2022	Về việc Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty
17	477/QĐ-HĐQT	17/6/2022	Về việc Bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty
18	478/QĐ-HĐQT	17/6/2022	Về việc Bổ nhiệm Người được ủy quyền công bố thông tin Công ty
19	479/QĐ-HĐQT	17/6/2022	Về việc thành lập Tổ Thư ký Công ty
20	480/QĐ-HĐQT	17/6/2022	Về việc Bổ nhiệm cán bộ quản lý
21	625/NQ-HĐQT	19/07/2022	Về việc phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ 2022-2026
22	643/QĐ-HĐQT	28/07/2022	Về việc phê duyệt danh sách Quy hoạch lãnh đạo, cán bộ quản lý công ty giai đoạn 2022-2026, tầm nhìn 2030.
23	814/NQ-HWS	30/08/2022	Về việc chia cổ tức năm 2021 bằng tiền
24	1106/NQ-HĐQT	21/10/2022	V/v khẩn trương giải quyết tồn đọng chuyển tiếp trước 31/12/2021
25	1576/NQ-HĐQT	22/12/2022	Về việc bổ sung địa điểm kinh doanh
26	1577/NQ-HĐQT	22/12/2022	Về việc điều chỉnh quy mô chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng Trung tâm vận hành tự động hệ thống cấp nước”
27	1578/NQ-HĐQT	22/12/2022	Về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023
28	1579/NQ-HĐQT	22/12/2022	Về việc giảm tiền nước cho các hộ dân bị ảnh hưởng tại khu vực Chân Mây – Lăng Cô do sự cố năm 2021.
29	04/QĐ-HWS	03/01/2023	Về việc phê duyệt Kế hoạch trọng tâm năm 2023
30	04/QĐ-HĐQT	03/01/2023	Sửa đổi một số nội dung của Quy chế phân cấp, ủy quyền công tác quản lý, điều hành

- Thành viên HĐQT độc lập: Không có

1.3. Các tiêu ban trực thuộc: Không có

1.4. Đào tạo về quản trị công ty

Trong năm 2022, các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc được tạo điều kiện tham dự các chương trình đào tạo ngắn hạn về quản trị, tài chính và các lĩnh vực chuyên môn khác.

2. Báo cáo của Ban Kiểm soát

2.1. Đánh giá hoạt động của BKS

Trong năm 2022, BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Quy chế hoạt động của BKS: thường xuyên giám sát tình hình hoạt động của Công ty, thực hiện việc kiểm tra, giám sát về tài chính, báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời giám sát, đánh giá sự tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

Các cuộc họp trong năm của BKS:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Nguyễn Thị Liên Ngọc	Trưởng ban	4/4	100%	
2	Bà Trần Thị Bé	Thành viên	3/4	75%	Bầu BKS từ 17/6/2022
3	Bà Đào Thị Hoàng Oanh	Thành viên	3/4	75%	Bầu BKS từ 17/6/2022
4	Bà Nguyễn Thị Trang	Thành viên	1/4	25%	Thôi TV BKS từ 17/6/2022
5	Bà Nguyễn Ái Minh	Thành viên	1/4	25%	Thôi TV BKS từ 17/6/2022

HĐQT đã luôn tạo điều kiện cho BKS tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hằng tháng. HĐQT, Ban điều hành đã phối hợp chặt chẽ và luôn tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

2.3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022

Trong năm qua, trên cơ sở nhiệm vụ và quyền hạn được phân công, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát hoạt động tài chính, công tác quản lý và điều hành Công ty thông qua các hoạt động chủ yếu sau:

1. Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tính tuân thủ theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm định tính đầy đủ hợp pháp và trung thực Báo cáo tài chính của Công ty.

3. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và những người quản lý, điều hành khác của Công ty.

4. Giám sát thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo đúng Quy định.

5. Thực hiện vai trò, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2.4. Những kiến nghị của BKS về phương hướng hoạt động năm 2023

Công ty tiếp tục định hướng phát triển với 3 mục tiêu đột phá và 5 giải pháp trọng tâm trong đó, năm 2023 tập trung triển khai các công việc trọng tâm cụ thể như sau:

- Tiếp tục thực hiện đột phá về cơ sở vật chất, nhà máy, thiết bị ngày càng hiện đại vận hành trên nền tảng công nghệ số, tập trung: Đưa vào vận hành thương mại dự án Nhà máy xử lý nước sạch Vạn Niên công suất 120.000 m³/ngày đêm (giai đoạn 1) vào vận hành thương mại trong năm 2023; Trung tâm điều khiển tự động HTCN vận hành và tiếp tục triển khai thi công các công trình đầu tư công trung hạn giai đoạn 2022-2026 đáp ứng nhu cầu cấp nước cho hơn 97,04% dân số toàn Tỉnh, đảm bảo cấp nước an toàn, an ninh nước sạch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

- Tiếp tục đổi mới về cơ cấu tổ chức nhân sự thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, bổ nhiệm nhằm điều chỉnh mô hình tổ chức phù hợp thực tiễn của công ty; tổ chức thi tuyển, thu hút nhân lực có trình độ cao, tuyển dụng nhân sự phù hợp với cơ cấu tổ chức và định hướng của Công ty cho giai đoạn 2022-2026. Đặc biệt, triển khai thi tuyển các chức danh lãnh đạo, quản lý trong năm 2023 đáp ứng tiêu chuẩn quy hoạch nhân sự Công ty giai đoạn 2022-2026 và tầm nhìn 2030.

- Tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công tác quản trị, tuân thủ tôn chỉ hoạt động: Làm việc theo kế hoạch, giải quyết công việc theo quy trình, điều hành theo quy chế quy định, định mức kinh tế kỹ thuật từ đầu năm 2023. Thực hiện đề án đổi mới hoạt động XDCCB, nghiên cứu thành lập đơn vị quản lý dự án chuyên trách.

- Đẩy mạnh công tác giao khoán và tư vấn, chuyển giao công nghệ xử lý nước sạch cho các công ty cấp nước trên toàn quốc dựa trên nền tảng các đề tài sáng kiến của HueWACO nhằm nâng cao chất lượng nước sạch, hướng đến cấp nước an toàn.

3. Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS và BGD

3.1. Thù lao của HĐQT, BKS và BGD

Hội đồng quản trị Công ty đã trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua mức thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách và Thư ký Công ty năm 2022, như sau:

- Thành viên HĐQT, NQT (không chuyên trách): 3 triệu đồng/người/tháng
- Thành viên BKS, Thư ký (không chuyên trách): 2 triệu đồng/người/tháng

3.2. Giao dịch cổ phiếu của NNB và NLQ đến NNB: Phụ lục 01.

3.3. Giao dịch, hợp đồng của công ty với người có liên quan: Phụ lục 02.

4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ nhằm đảm bảo Công ty được vận hành suôn sẻ; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích chung của công ty và của các cổ đông nói riêng; tạo mọi điều kiện cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả.

HĐQT đã triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông một cách quyết liệt và phù hợp; HĐQT nghiên cứu, xem xét cụ thể các tham vấn của cổ đông để có những phương hướng hợp lý nhằm đáp ứng mong mỏi của cổ đông về hoạt động sản xuất kinh doanh, mang lại hiệu quả và lợi nhuận cho công ty, cho cổ đông.

F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Chi tiết báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế đã được công bố thông tin trên website: www.huewaco.com.vn, chuyên mục Quan hệ cổ đông./.

Nơi nhận:

- UBCK NN (để báo cáo);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (để báo cáo);
- Thành viên HĐQT, Ban KS;
- Lưu VT, P.KH-KT.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lê Quang Minh

PHỤ LỤC 01. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người/Tổ chức thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, thưởng,...)	Thời gian giao dịch
			Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)		
1	Công ty Cổ phần DNP Holding	Thành viên HĐQT	10.090.909	11,5	2.500.000	2,9	Bán cổ phiếu	12/10/22
2	Nguyễn Thị Liên Ngọc	Trưởng BKS	101.700	0,1	356.200	0,4	Mua cổ phiếu	12/10/22
3	Nguyễn Liên Minh	Em trai bà Nguyễn Thị Liên Ngọc (Trưởng BKS)	195.900	0,2	395.900	0,45	Mua cổ phiếu	12/10/22
4	Trần Thị Kim Hồng	Mẹ đẻ bà Trương Nữ Như Ngọc (Người quản trị-Thư ký Công ty)	0	0	209.100	0,23	Mua cổ phiếu	12/10/22
5	Nguyễn Lê Thanh Uyên	Vợ ông Trương Công Hân (Phó CT HĐQT)	0	0	181.800	0,2	Mua cổ phiếu	12/10/22
6	Nguyễn Mạnh Tuấn	TV HĐQT- Phó Tổng Giám đốc	68.700	0,1	250.500	0,29	Mua cổ phiếu	16/12/22

PHỤ LỤC 02. GIAO DỊCH, HỢP ĐỒNG CỦA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Mặt hàng	Số Hóa đơn	Ngày HĐ	Tiền hàng
CÔNG TY CP DNP HAWACO			5.480.724.000
Đồng hồ đo nước lạnh	130	18/02/2022	3.775.000
Đồng hồ đo nước lạnh	129	18/02/2022	56.575.000
Đồng hồ đo nước lạnh	216	04/03/2022	392.000.000
Đồng hồ đo nước lạnh	269	21/03/2022	392.000.000
Đồng hồ đo nước lạnh	284	23/03/2022	112.084.000
Đồng hồ đo nước lạnh	312	29/03/2022	392.000.000
Đồng hồ đo nước lạnh	322	30/03/2022	46.840.000
Đồng hồ đo nước lạnh	401	15/04/2022	392.000.000
Đồng hồ đo nước lạnh	455	26/04/2022	392.000.000
Đồng hồ đo nước lạnh	504	06/05/2022	392.000.000
Đồng hồ đo nước lạnh	506	06/05/2022	82.375.000

Mặt hàng	Số Hóa đơn	Ngày HĐ	Tiền hàng
Đồng hồ đo nước lạnh	507	06/05/2022	5.505.000
Đồng hồ đo nước lạnh	663	08/06/2022	392.000.000
Đồng hồ đo nước lạnh	737	23/06/2022	392.000.000
Đồng hồ đo nước lạnh	30	26/07/2022	392.000.000
Đồng hồ đo nước lạnh	58	29/07/2022	47.985.000
Đồng hồ đo nước lạnh	59	29/07/2022	3.145.000
Đồng hồ đo nước lạnh	94	11/08/2022	392.000.000
Đồng hồ đo nước lạnh	122	24/08/2022	392.000.000
Đồng hồ đo nước lạnh	991	28/09/2022	25.180.000
Đồng hồ đo nước lạnh	992	28/09/2022	1.260.000
Đồng hồ đo nước lạnh	993	28/09/2022	392.000.000
Đồng hồ đo nước lạnh	1035	13/10/2022	392.000.000
CÔNG TY CP NHỰA ĐỒNG NAI/ DNP HOLDING			2.275.406.500
Ống HDPE	18873	23/02/2022	90.400.000
Ống HDPE	18874	23/02/2022	143.692.500
Ống HDPE	19030	28/02/2022	259.350.000
Ống HDPE	19572	17/03/2022	399.880.000
Ống HDPE	0000329	12/04/2022	106.400.000
Ống HDPE	0000536	18/04/2022	357.084.000
Ống HDPE	0001100	05/05/2022	311.500.000
Ống HDPE	00002080	14/07/2022	233.870.000
Ống HDPE	00003484	17/08/2022	109.150.000
Ống HDPE	00005014	24/09/2022	264.080.000
CÔNG TY TNHH MTV THIẾT BỊ ĐIỆN CÁT NHI			117.742.600
Vật tư thiết bị điện	462	03/01/2022	2.700.000
Vật tư thiết bị điện	463	27/01/2022	1.340.000
Vật tư thiết bị điện	464	27/01/2022	1.575.000
Vật tư thiết bị điện	465	11/02/2022	5.500.000
Vật tư thiết bị điện	469	17/02/2022	25.890.000
Vật tư thiết bị điện	470	17/02/2022	32.506.300
Vật tư thiết bị điện	471	17/02/2022	37.486.000
Vật tư thiết bị điện	473	26/03/2022	10.745.300